ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 115/KH-UBND	*Cần Thơ, ngày 13 tháng 7 năm 2018*

KẾ HOẠCH
Triển khai Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Cần Thơ với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tử vong ở một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm. Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học. Khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng nhằm giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể: Theo các dự án thành phần.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng thực hiện: các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình.

3. Thời gian thực hiện: từ năm 2016 đến năm 2020.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1. Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: chủ động phòng, chống một số dịch bệnh, phát hiện dịch sớm, kịp thời khống chế, không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ

chết do một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm. Khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Giảm tỷ lệ mắc bệnh lao dưới 131/100.000 dân.

+ Duy trì 100% bệnh nhân phong dị hình tàn tật được chăm sóc y tế, trong đó 50% bệnh nhân tàn tật nặng được phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng; 50% số quận, huyện trong vùng dịch tễ lưu hành đạt 04 tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong tuyến huyện.

+ Giảm tỷ lệ mắc bệnh sốt rét/1.000 dân <0,19; khống chế tỷ lệ chết do bệnh sốt rét dưới 0,02/100.000 dân.

+ Giảm 08% tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết trung bình/100.000 dân giai đoạn 2016 - 2020 so với trung bình giai đoạn 2011 - 2015. Khống chế tỷ lệ chết, mắc hàng năm do bệnh sốt xuất huyết < 0,09%;

+ 88% số xã, phường, thị trấn quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt; 80% số xã, phường, thị trấn quản lý bệnh nhân động kinh và 20% số xã, phường, thị trấn quản lý bệnh nhân rối loạn trầm cảm. Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng tại cộng đồng cho 85% số bệnh nhân tại các xã, phường, thị trấn đã được triển khai.

+ 20% số người mắc ung thư khoang miệng, vú, cổ tử cung, đại trực tràng được phát hiện ở giai đoạn sớm; 80% cán bộ y tế hoạt động trong dự án được đào tạo nâng cao nghiệp vụ về phòng chống ung thư.

+ 50% số người bị tăng huyết áp được phát hiện sớm; 30% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

+ 40% số người bệnh đái tháo đường được phát hiện, trong đó 40% được quản lý, điều trị. Khống chế tỷ lệ tiền đái tháo đường < 20% ở người 30 - 69 tuổi và khống chế tỷ lệ đái tháo đường < 10% ở người 30 - 69 tuổi.

+ Giảm tỷ lệ bướu cổ ở trẻ em từ 08 - 10 tuổi <8%;

+ 35% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; 35% số người đã phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

+ 35% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; 35% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen, trong đó 15% đạt kiểm soát hoàn toàn.

+ Giảm ít nhất 30% tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như: cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường so với tỷ lệ mắc mới năm 2015. Trên 90% số trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường; 85% số học sinh ở vùng nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ 02 lần/năm.

b) Nội dung hoạt động

- Hoạt động phòng, chống lao

+ Tăng cường năng lực xét nghiệm và X - quang phổi, bảo đảm chất lượng theo quy định.

+ Triển khai các can thiệp tích cực, phát hiện chủ động, chẩn đoán sớm và quản lý bệnh nhân lao, lao kháng thuốc, bảo đảm chất lượng điều trị, tăng tỷ lệ điều trị thành công, giảm tỷ lệ thất bại, bỏ điều trị, chết.

+ Cung ứng đủ thuốc chống lao hàng 1 và hàng 2 trong năm 2016-2018; từ năm 2019 thanh toán thuốc từ Quỹ bảo hiểm y tế cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế, các đối tượng khác chưa được thanh toán thuốc từ Quỹ bảo hiểm y tế do ngân sách chương trình thanh toán.

+ Nghiên cứu dịch tễ, điều hành việc thử nghiệm thuốc đặc trị, phác đồ điều trị mới.

+ Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống lao.

+ Giám sát chuyên môn, hiệu quả hoạt động phòng chống lao tại các tuyến, tăng cường áp dụng hệ thống thông tin điện tử trong quản lý dữ liệu và quản lý chương trình.

- Hoạt động phòng, chống phong

+ Tổ chức khám phát hiện và đa hóa trị liệu cho bệnh nhân phong mới.

+ Phòng chống tàn tật, phục hồi chức năng và tái hòa nhập cộng đồng cho bệnh nhân phong.

+ Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống phong.

+ Giám sát chuyên môn hoạt động phòng chống phong ở địa phương.

+ Tổ chức loại trừ bệnh phong ở tuyến huyện.

- Hoạt động phòng, chống sốt rét

+ Mua thuốc điều trị; hóa chất phun, tẩm màn; dụng cụ bảo vệ cá nhân; bổ sung trang thiết bị, bình phun hóa chất, vật tư, hóa chất xét nghiệm chẩn đoán hỗ trợ cho các quận huyện.

+ Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống sốt rét.

+ Điều tra, giám sát ca bệnh/ổ bệnh sốt rét.

+ Giám sát dịch tễ sốt rét và giám sát công tác điều trị bệnh nhân.

- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

+ Giám sát dịch tễ tại các địa bàn trọng điểm.

+ Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống sốt xuất huyết.

+ Dự trữ, hỗ trợ vật tư, hóa chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống sốt xuất huyết cho các địa phương có dịch bùng phát.

- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

+ Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho các bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và trầm cảm đã được phát hiện ở giai đoạn trước.

+ Phát hiện, lập hồ sơ điều trị, quản lý, phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và trầm cảm mới.

+ Xây dựng các mô hình điểm quản lý bệnh động kinh, trầm cảm.

+ Đào tạo, tập huấn chuyên môn phát hiện, quản lý, điều trị và phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần.

+ Giám sát chuyên môn hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần.

- Hoạt động phòng, chống ung thư

+ Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên biệt ghi nhận ung thư do tổ chức Nghiên cứu ung thư Quốc tế (IARC) cung cấp.

+ Tổ chức khám sàng lọc ung thư tại cộng đồng.

+ Đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh ung thư.

+ Triển khai các hoạt động chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư.

+ Giám sát chuyên môn hoạt động phòng, chống ung thư.

+ Hướng dẫn phòng, chống bệnh ung thư, các yếu tố nguy cơ cho người bệnh và cộng đồng.

- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch

+ Nghiên cứu, đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh tim mạch.

+ Sàng lọc phát hiện sớm, quản lý người bệnh tăng huyết áp.

+ Xây dựng, triển khai mô hình ghi nhận, quản lý người bệnh tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim. Tổ chức mô hình sinh hoạt câu lạc bộ cho người bệnh tăng huyết áp, tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim.

- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

+ Điều tra, giám sát dịch tễ học bệnh đái tháo đường, các rối loạn do thiếu Iốt, chất lượng gia vị mặn chứa Iốt trên địa bàn thành phố.

+ Phát hiện sớm người mắc bệnh đái tháo đường, tiền đái tháo đường để áp dụng các biện pháp quản lý, điều trị.

+ Nghiên cứu, đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt.

+ Nâng cao năng lực hệ thống phòng xét nghiệm Iốt tại tuyến thành phố.

- Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản (viết tắt là BPTNMT&HPQ)

+ Đào tạo, tập huấn chuyên môn BPTNMT&HPQ.

+ Sàng lọc phát hiện sớm, quản lý người bệnh mắc BPTNMT&HPQ.

+ Hỗ trợ trang thiết bị thiết yếu cho các đơn vị triển khai hoạt động về BPTNMT&HPQ.

+ Tổ chức mô hình sinh hoạt câu lạc bộ cho người bệnh mắc BPTNMT&HPQ ở bệnh viện tại các tuyến để nâng cao kiến thức của người bệnh.

- Hoạt động Y tế trường học

+ Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường.

+ Thực hiện các hoạt động giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi về phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường cho học sinh.

+ Thực hiện các hoạt động dự phòng, phát hiện sớm nguy cơ, tư vấn, chăm sóc, quản lý sức khỏe học sinh. Triển khai khám chuyên khoa, phát hiện các bệnh, tật thường gặp ở lứa tuổi học đường.

+ Triển khai các hoạt động cho học sinh tự phát hiện sớm các vấn đề sức khỏe học đường.

+ Giám sát chuyên môn.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương

Năm	Tổng cộng	Phong	Lao	Sốt rét	Sốt xuất huyết	Ung thư	Tim mạch	ĐTĐ	BVSKTT CĐ và TE	Bệnh phổi TNMT	Y tế trường học

2016	1.677	45	772	70	355	150	60	50	155	20	-
2017	2.712	106	772	162	487	625	200	60	50	50	200
2018	1.908	106	344	145	380	180	54	50	469	80	100
2019 (dự kiến)	3.443	106	855	89	380	300	109	100	1.322	83	100
2020 (dự kiến)	3.443	106	855	89	380	300	109	100	1.322	83	100

- Ngân sách địa phương

Năm	Tổng cộng	Phong	Lao	Sốt rét	Sốt xuất huyết	Ung thư	Tim mạch	ĐTĐ	BVSKTT CĐ và TE	Bệnh phổi TNMT	Y tế trường học
2016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2017	1.305	-	-	73	1.232	-	-	-	-	-	-
2018	1.305	-	-	73	1.232	-	-	-	-	-	-
2019 (dự kiến)	1.572	-	-		1.572	-	-	-	-	-	-
2020 (dự kiến)	1.572	-	-		1.572	-	-	-	-	-	-

- Vốn ODA và viện trợ

Năm	Tổng cộng	Phong	Lao	Sốt rét	Sốt xuất huyết	Ung thư	Tim mạch	ĐTĐ	BVSKTT CĐ và TE	Bệnh phổi TNMT	Y tế trường học
2016	4.251	-	4.251	-	-	-	-	-	-	-	-
2017	4078	-	4078	-	-	-	-	-	-	-	-
2018	4.495	-	4.495	-	-	-	-	-	-	-	-
2019 (dự kiến)	4.495	-	4.495	-	-	-	-	-	-	-	-
2020 (dự kiến)	4.495	-	4.495	-	-	-	-	-	-	-	-

2. Dự án 2. Tiêm chủng mở rộng

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: giữ vững kết quả đã đạt được tiến tới khống chế và loại trừ một số bệnh có vắc xin phòng ngừa; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống tiêm chủng.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 95%.

+ Duy trì thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, tiến tới loại trừ bệnh sởi và triển khai một số vắc xin mới.

b) Nội dung hoạt động

- Duy trì công tác tiêm chủng mở rộng và tổ chức các chiến dịch tiêm chủng.

- Mua và cung ứng đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đáp ứng nhu cầu tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, nữ trong độ tuổi sinh đẻ và các sinh phẩm, vật tư tiêu hao chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng mở rộng.

- Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn chuyên môn tiêm chủng mở rộng.

- Giám sát chuyên môn tiêm chủng mở rộng.

- Quản lý đối tượng tiêm chủng trên hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương: năm 2016: 101 triệu đồng; năm 2017: 101 triệu đồng; các năm: 2018, 2019 và 2020: 0 đồng.

- Ngân sách địa phương: năm 2016: 775 triệu đồng; năm 2017: 775 triệu đồng; năm 2018: 914 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 914 triệu đồng và năm 2020: 914 triệu đồng.

- Vốn ODA và viện trợ: không.

3. Dự án 3. Dân số và phát triển

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: chủ động duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số về thể chất nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh. Củng cố, phát triển hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng; quản lý, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Giảm tử vong và tình trạng suy dinh dưỡng ở bà mẹ, trẻ em.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 70,1%.

+ Nâng tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh lên 50%, tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh lên 80%.

+ Khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, phấn đấu đến năm 2020 tỷ số giới tính khi sinh không quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

+ Giảm 20% số người chưa thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

+ 80% người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp; 60% trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi được phát hiện, can thiệp sớm.

+ Tối thiểu 50% người cao tuổi được chăm sóc dự phòng toàn diện, khám sức khỏe định kỳ, được điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế.

+ Giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn 14‰.

+ Giảm tỷ suất chết mẹ xuống còn 52/100.000 trẻ đẻ sống.

+ Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân < 10%.

+ Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi < 21,8%.

+ Tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và ở trẻ em dưới 5 tuổi.

b) Nội dung hoạt động

- Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (viết tắt là DS - KHHGĐ)

+ Mua, cung cấp phương tiện tránh thai, giấy thấm, hóa chất, thuốc thiết yếu và vật tư tiêu hao, trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế/KHHGĐ, trang thiết bị đào tạo.

+ Hỗ trợ để củng cố cơ sở vật chất các kho chứa, bảo quản phương tiện tránh thai, các trung tâm tư vấn và dịch vụ DS - KHHGĐ; các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ, các cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tuyến thành phố.

+ Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và nâng cao chất lượng dân số. Củng cố, mở rộng và phát triển dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin thực hiện dịch vụ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, dịch vụ khám sức khỏe tiền hôn nhân. Tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân; theo dõi, quản lý đối tượng đã sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

+ Can thiệp thay đổi hành vi, tập quán sử dụng dịch vụ DS - KHHGĐ và các loại hình dịch vụ phù hợp với tâm lý, tập quán của người dân tộc thiểu số.

+ Tổ chức can thiệp giảm tình trạng người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn, chú trọng nhà trường, khu công nghiệp, khu chế xuất và các địa bàn đặc thù; củng cố các điểm cung cấp dịch vụ KHHGĐ thân thiện.

+ Duy trì, hoàn thiện hệ thống quản lý phương tiện tránh thai, khai thác và cung cấp thông tin chuyên ngành DS - KHHGĐ.

+ Kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh. Khuyến khích cộng đồng, tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số; đưa nội dung chính sách dân số vào hương ước, quy ước, vào chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

+ Hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng mức sinh cao thực hiện dịch vụ KHHGĐ và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế (nếu có). Tư vấn sử dụng, theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng các biện pháp tránh thai, KHHGĐ.

+ Đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai; xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển.

+ Tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, chú trọng công tác thăm, tư vấn tại hộ gia đình và tư vấn nhóm nhỏ cho các đối tượng khó tiếp cận và địa bàn trọng điểm.

+ Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ DS - KHHGĐ tại các địa bàn trọng điểm, nâng cao nhận thức về mất cân bằng giới tính khi sinh; tổ chức các hoạt động nhân các sự kiện DS - KHHGĐ; tuyên truyền phổ biến, giáo dục về DS - KHHGĐ.

+ Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về DS - KHHGĐ.

+ Xây dựng mô hình các dịch vụ can thiệp về DS - KHHGĐ.

+ Hỗ trợ cộng tác viên thực hiện công tác DS - KHHGĐ.

+ Kiểm tra thực hiện quy định về DS - KHHGĐ. Kiểm định, kiểm tra chất lượng phương tiện tránh thai, chất lượng dịch vụ DS - KHHGĐ; quy chuẩn của các cơ sở, điểm cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng

+ Đào tạo nhân viên y tế hướng dẫn tập luyện tại cộng đồng.

+ Xây dựng mô hình phục hồi chức năng tại tuyến y tế cơ sở.

+ Sàng lọc phát hiện khuyết tật và nhu cầu phục hồi chức năng cho người khuyết tật;

+ Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn của dự án.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

+ Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn, mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại các đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung (Trung tâm dưỡng lão...) cho người cao tuổi.

+ Đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho cán bộ, nhân viên cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

+ Tổ chức khám sàng lọc phát hiện bệnh sớm ở người cao tuổi.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản

+ Đào tạo, tập huấn chuyên môn chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Hỗ trợ thực hiện gói dịch vụ cấp cứu sản khoa thiết yếu toàn diện.

+ Hỗ trợ thiết lập các đơn nguyên sơ sinh và phòng chăm sóc trẻ sơ sinh bằng phương pháp Kangaroo để nuôi dưỡng, điều trị trẻ sơ sinh bệnh lý, trẻ sơ sinh nhẹ cân non tháng.

+ Triển khai các can thiệp chăm sóc sức khỏe trẻ em dựa vào cộng đồng.

+ Sàng lọc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh dục; phát hiện sớm, điều trị các tổn thương tiền ung thư và ung thư cổ tử cung theo kế hoạch hành động quốc gia về dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung.

- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

+ Đào tạo, tập huấn và giám sát chuyên môn về cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

+ Hướng dẫn thực hành kỹ thuật chế biến thức ăn và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ có con dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì; xây dựng mô hình phòng, chống suy dinh dưỡng đặc thù cho từng vùng.

+ Tổ chức các chiến dịch bổ sung vitamin A, chiến dịch phòng, chống suy dinh dưỡng.

+ Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương

Năm	Tổng cộng	DS - KHHGĐ	PHCN NKT	CSSK NCT	CSSK SS	CTTT DDTE
2016	2.339	2.146	-	-	56	137
2017	3.698	2.859	-	-	452	387
2018	2.120	1.523	-	-	210	387
2019 (dự kiến)	1.868	1.460	-	-	210	198
2020 (dự kiến)	1.868	1.460	-	-	210	198

- Ngân sách địa phương

Năm	Tổng cộng	DS - KHHGĐ	PHCN NKT	CSSK NCT	CSSK SS	CTTT DDTE
2016	-	-	-	-	-	-
2017	318	-	-	-	-	318
2018	1.156	-	-	534	304	318
2019 (dự kiến)	838	-	-	534	304	-
2020 (dự kiến)	838	-	-	534	304	-

- Vốn ODA và viện trợ: không.

4. Dự án 4. An toàn thực phẩm

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập, phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Giảm 5% số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trung bình giai đoạn 2016 - 2020 so với trung bình giai đoạn 2011 - 2015; tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 07 người/100.000 dân.

+ 90% phòng kiểm nghiệm thực phẩm đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005;

+ 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; người tiêu dùng; người quản lý được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm.

+ Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm nông sản <6%.

+ Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm thủy sản <4%.

+ 80% số chợ được kiểm soát về an toàn thực phẩm.

b) Nội dung hoạt động

- Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm nghiệm, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Trang bị thiết bị, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn về an toàn thực phẩm.

- Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn chuyên môn an toàn thực phẩm.

- Kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; lấy mẫu, kiểm nghiệm phục vụ thanh tra, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Điều tra, giám sát ngộ độc thực phẩm, giám sát nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm; cảnh báo, xử lý các sự cố về an toàn thực phẩm, kiểm soát an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố; giám sát dịch tễ học các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, xây dựng, áp dụng một số mô hình tiên tiến đạt chuẩn về an toàn thực phẩm như: Chợ an toàn thực phẩm, GMP, GHP, VietGAP, HACCP, ISO 22000, dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố...

- Triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực; đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương: năm 2016: 457 triệu đồng; năm 2017: 3.652 triệu đồng; năm 2018: 1.763 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 3.067 triệu đồng và năm 2020: 3.067 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: năm 2016: không; năm 2017: 838 triệu đồng; năm 2018: 838 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 838 triệu đồng và năm 2020: 838 triệu đồng.

- Vốn ODA và viện trợ: không.

5. Dự án 5. Phòng, chống HIV/AIDS

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: khống chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư dưới 0,3% vào năm 2020; giảm số người nhiễm HIV mới, số người chuyển sang AIDS và số người tử vong do HIV/AIDS hàng năm.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Số trường hợp nhiễm mới HIV do lây nhiễm qua đường tiêm chích ma túy giảm 25%, do lây nhiễm qua đường tình dục giảm 20% so với năm 2015.

+ 90% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình; 90% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút (ARV); 90% số người điều trị ARV có tải lượng vi rút HIV thấp dưới ngưỡng ức chế.

b) Nội dung hoạt động

- Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV: mở rộng xét nghiệm sàng lọc HIV, đặc biệt là xét nghiệm tại cộng đồng; giám sát dịch HIV.

- Mở rộng can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV: phân phát bơm kim tiêm và bao cao su, ưu tiên các khu vực trọng điểm về HIV; kết hợp phát miễn phí với tiếp thị xã hội bao cao su và truyền thông thay đổi hành vi. Mở rộng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; triển khai cấp phát thuốc thay thế theo quy định; thí điểm và mở rộng điều trị Buprenophine.

- Mở rộng, bảo đảm chất lượng điều trị HIV/AIDS: kiện toàn mạng lưới các Phòng khám ngoại trú HIV/AIDS đủ điều kiện để thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo hợp đồng với cơ quan Bảo hiểm xã hội; mở rộng mạng lưới cấp phát thuốc ARV tại Trạm y tế tuyến xã. Tăng cường quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS, kiểm soát tải lượng vi rút. Tăng cường dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; hoàn thiện mạng lưới điều trị đồng nhiễm HIV/Lao, HIV/Viêm gan vi rút. Bảo đảm cung ứng thuốc và giám sát tình hình kháng thuốc ARV.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương: năm 2016: 380 triệu đồng; năm 2017: 600 triệu đồng; năm 2018: 600 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 600 triệu đồng và năm 2020: 600 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: năm 2016: 7.746 triệu đồng; năm 2017: 9.297 triệu đồng; năm 2018: 9.670 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 9.670 triệu đồng và năm 2020: 9.670 triệu đồng.

- Vốn ODA và viện trợ: năm 2016: 3.724 triệu đồng; năm 2017: 3.391 triệu đồng; năm 2018: 4.995 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 2.686 triệu đồng và năm 2020: 2.571 triệu đồng.

6. Dự án 6. Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Số lượng máu tiếp nhận đạt 1.700.000 đơn vị trên toàn quốc.

+ 70% các bệnh viện đa khoa tuyến thành phố trong vùng dịch tễ đủ khả năng chẩn đoán và điều trị bệnh tan máu bẩm sinh (bệnh Thalassemia).

+ 60% bệnh nhân mắc bệnh ưa chảy máu (bệnh Hemophilia) được chẩn đoán và quản lý.

b) Nội dung hoạt động

- Triển khai tổ chức vận động hiến máu tình nguyện.

+ Tổ chức các hoạt động vận động hiến máu tình nguyện bằng các hoạt động truyền thông đặc thù.

+ Tổ chức các sự kiện hiến máu, mô hình tổ chức hiến máu hiệu quả, thiết thực cho các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhằm tuyển chọn nguồn người hiến máu an toàn.

+ Đào tạo đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hiến máu tình nguyện trong toàn thành phố và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Tổ chức các hoạt động tôn vinh người hiến máu, các hội nghị, hội thảo nhằm phối hợp tổ chức hoạt động hiến máu tình nguyện; duy trì nguồn người hiến máu an toàn trên toàn thành phố và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Xây dựng ngân hàng máu sống dựa trên lực lượng hiến máu dự bị và bảo đảm an toàn truyền máu cho vùng sâu vùng xa.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về an toàn truyền máu và phòng, chống một số bệnh lý huyết học.

- Nâng cao chất lượng nội kiểm, triển khai hoạt động ngoại kiểm các xét nghiệm bảo đảm cung cấp máu và truyền máu an toàn.

- Triển khai các hoạt động có tính chất nghiên cứu khoa học.

- Giám sát dịch tễ; thực hiện phác đồ điều trị một số bệnh lý huyết học.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương: năm 2016: không; năm 2017: 50 triệu đồng; năm 2018: 60 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 315 triệu đồng và năm 2020: 315 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: không.

- Vốn ODA và viện trợ: không.

7. Dự án 7. Quân dân y kết hợp

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: tạo điều kiện cho người dân sinh sống ở khu vực vùng sâu vùng xa, vùng trọng điểm quốc phòng an ninh được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng ngày càng cao; tăng cường khả năng đáp ứng của ngành y tế trong các tình huống khẩn cấp.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Đảm bảo nguồn lực và nâng cao năng lực cho Bệnh viện quân dân y thành phố Cần Thơ, hỗ trợ chuyên môn cho Bệnh viện Công an Cần Thơ và mô hình kết hợp quân dân y các tuyến.

+ Trang bị đồng bộ cho 02 đội cơ động phòng chống sinh học, 01 đội cơ động cấp cứu nhiễm xạ; xây dựng lực lượng huy động cơ động theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ.

+ Đào tạo liên tục cho quân y sỹ và tổ chức khám, chữa bệnh kết hợp dân vận.

b) Nội dung hoạt động

- Xây dựng mô hình điểm về kết hợp quân dân y tại các tuyến.

- Hỗ trợ sửa chữa, bổ sung trang thiết bị y tế thiết yếu cho các cơ sở y tế quân dân y vùng sâu vùng xa.

- Hỗ trợ trang thiết bị y tế cơ bản cho các đơn vị y tế dự bị động viên đáp ứng yêu cầu huấn luyện, diễn tập sẵn sàng động viên.

- Hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp về y tế.

- Đào tạo, tập huấn nội dung quân dân y và y tế Công an kết hợp.

- Khám bệnh, chữa bệnh lưu động và theo chiến dịch cho các đối tượng chính sách, người nghèo tại xã khó khăn.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương: năm 2016: không; năm 2017: không; năm 2018: 20 triệu đồng; dự kiến năm 2019: 20 triệu đồng và năm 2020: 20 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: không.

- Vốn ODA và viện trợ: không.

8. Dự án 8. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung: theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá bảo đảm thực hiện Chương trình hiệu quả. Triển khai các hoạt động truyền thông y tế, chủ động góp phần phòng, chống bệnh tật nâng cao sức khỏe người dân và cộng đồng.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ 100% quận, huyện, xã, phường, thị trấn được kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai các dự án/hoạt động.

+ 100% quận, huyện, xã, phường, thị trấn triển khai truyền thông các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Nội dung hoạt động

- Thiết lập và tổ chức thực hiện hệ thống theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình, Dự án.

- Đào tạo, tập huấn về theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và truyền thông về các nội dung của Chương trình.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng (bao gồm cả truyền thông về công tác an toàn thực phẩm theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình phối hợp số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

- Tổ chức các ngày/tháng cao điểm truyền thông phù hợp với các hoạt động của Chương trình, Dự án.

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác truyền thông, trang thiết bị công nghệ thông tin.

- Xây dựng, sản xuất, nhân bản, phát hành các sản phẩm truyền thông.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về y tế, dân số và an toàn thực phẩm. Xây dựng, duy trì, triển khai đội truyền thông cơ động; đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn thực phẩm của các nhóm đối tượng.

- Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu.

- Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, điển hình trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

c) Kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)

- Ngân sách Trung ương

Năm	Tổng cộng	Truyền thông Y tế - Dân số	Truyền thông ATTP
2016	-	-	-
2017	1.457	687	770
2018	503	103	400
2019 (dự kiến)	760	136	624
2020 (dự kiến)	760	136	624

- Ngân sách địa phương: không.

- Vốn ODA và viện trợ: không.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

a) Tăng cường sự quản lý chỉ đạo của chính quyền các cấp đối với các hoạt động dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

b) Nghiên cứu và đưa các chỉ tiêu quan trọng của Kế hoạch này vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động y tế thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn; tổ chức tốt các hoạt động phối hợp liên ngành, trong đó giao Ngành Y tế làm đầu mối.

2. Tăng cường phối hợp hoạt động liên ngành

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Ngành Y tế với các ngành, đoàn thể để thực hiện các mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn đến năm 2020, đặc biệt

phối hợp triển khai tốt các can thiệp tại cộng đồng về phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS, an toàn thực phẩm, dân số và phát triển ...

3. Củng cố và kiện toàn hệ thống y tế

a) Kiện toàn hệ thống y tế theo chỉ đạo tại Chương trình số 28-CTr/TU ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thành ủy Cần Thơ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chương trình số 29-Tr/TU ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thành ủy Cần Thơ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, trong đó tập trung hoàn thiện Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ (CDC).

b) Tiếp tục kiện toàn, củng cố và phát triển hệ thống y tế, đặc biệt y tế cơ sở theo Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng hoạt động Trạm y tế đến năm 2020.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Ban Quản lý Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 do Giám đốc Sở Y tế làm Trưởng ban, làm nhiệm vụ đầu mối quản lý các Dự án với mục tiêu nhằm hoàn thành các hoạt động, công việc của các Dự án theo đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

b) Chủ trì, tổ chức triển khai, hướng dẫn các đơn vị thực hiện Kế hoạch này.

c) Hàng năm, trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể, Sở Y tế xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Tài chính theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan huy động các nguồn lực đầu tư cho các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

g) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số gửi Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Nghiên cứu hướng dẫn và đưa các mục tiêu, chỉ tiêu thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số vào chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí nguồn ngân sách thành phố để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Cân đối ngân sách của địa phương hàng năm bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý và đối với các chợ đầu mối, nông sản trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện cụ thể hóa cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung bảo đảm an toàn thực phẩm.

c) Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao về an toàn thực phẩm.

d) Hàng năm, trên cơ sở kinh phí được phân bổ của các cấp có thẩm quyền, các nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định để triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung, hoạt động của Dự án của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg.

đ) Phối hợp với Sở Y tế thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm khi có xảy ra ngộ độc thực phẩm, quản lý nguy cơ xảy ra ô nhiễm thực phẩm.

e) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (Dự án 4. An toàn thực phẩm) gửi Sở Y tế tổng hợp.

5. Sở Công Thương

a) Tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phân cấp quản lý và đối với các chợ, siêu thị, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm trên địa bàn thành phố.

b) Thường xuyên kiểm tra, phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.

c) Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao về an toàn thực phẩm.

d) Kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn việc kinh doanh thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ, việc kinh doanh hóa chất liên quan đến thực phẩm.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với Ngành Y tế và Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo triển khai tốt công tác y tế trường học, chỉ đạo đổi mới nội dung giáo dục thể chất, tâm lý theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đẩy mạnh việc gắn y tế trường học với y tế cơ sở.

7. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm soát, ngăn chặn việc nhập lậu thực phẩm; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

8. Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Phối hợp với Ngành Y tế trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020.

b) Bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung hoạt động thuộc ngân sách địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- TT. Thành ủy;
- CTUBND TP (1AG);
- Các sở: YT, KH&ĐT, TC, CT, NN&PTNT, GD&ĐT;
- Công an TP;
- UBND quận huyện;
- VP. UBND TP (3BC,7);
- Lưu: VT, Hạnh

CVĐ 9833

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ
Email: vpubndtpct@cantho.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Cần Thơ
Thời gian ký:13.07.2018 14:32:23 +07:00

Lê Văn Tâm